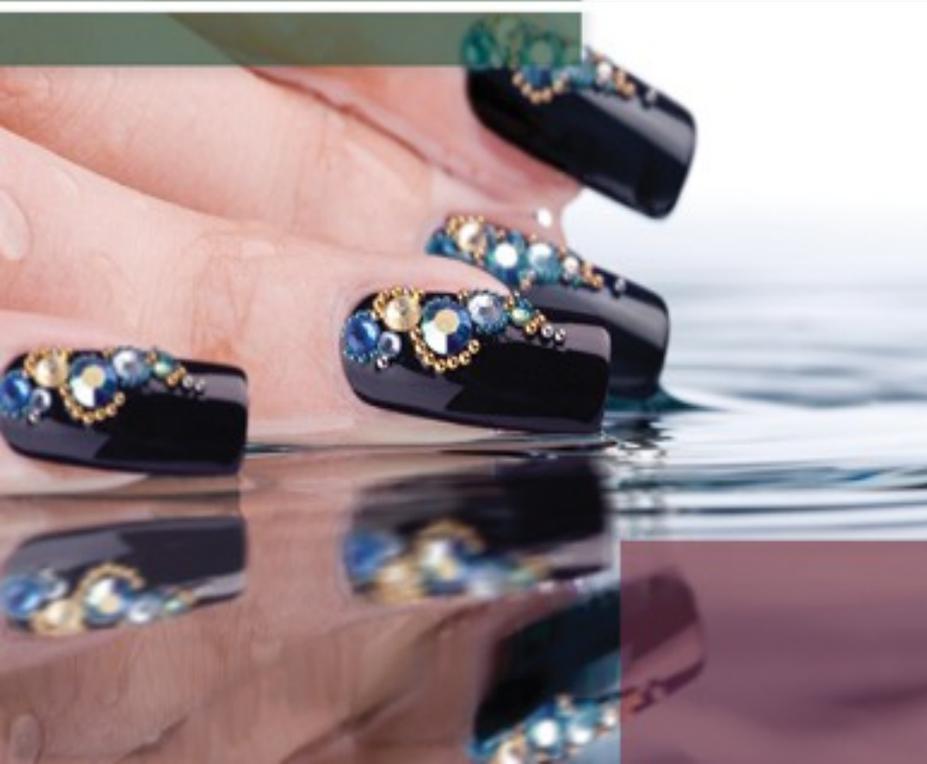


MILADY'S STANDARD NAIL TECHNOLOGY



13 manicuring

chapter outline

- ▶ Nail Technology Tools
- ▶ Professional Cosmetic Products
- ▶ The Basic Manicure
- ▶ A Man's Manicure Service
- ▶ Massage
- ▶ Spa Manicures
- ▶ Aromatherapy
- ▶ Paraffin Wax Treatments
- ▶ Nail Art
- ▶ Only the Beginning
- ▶ Procedures



Q.1

- Supplies used during a manicure service must be replaced for each client are
- Nguồn hàng cung cấp trong lúc làm móng phải thay thế sau khi dùng cho mỗi khách

1.equipment thiết bị

2.implements dụng cụ

3.materials vật liệu

4.cosmetics mỹ phẩm



Q.2

- **Permanent tools used to perform nail services**
- Dụng cụ cố định dùng để thực hiện dịch vụ làm móng

1. **equipment** thiết bị

2. **implements** dụng cụ

3. **materials** vật liệu

4. **cosmetics** mỹ phẩm

•



Q.3

- Multi-use or single-use tools used to perform a nail service
- Dụng cụ dùng nhiều lần hay dùng 1 lần để thực hiện dịch vụ làm móng

1. **equipment** thiết bị

2. **implements** dụng cụ

3. **materials** vật liệu

4. **cosmetics** mỹ phẩm



Q.4

- Materials used during a manicure must be replaced for each client
- Vật liệu dùng trong lúc làm móng phải được thay đổi cho mỗi khách
 - 1.abrasive nail files giũa
 - 2.cotton balls, towels gòn, khăn
 - 3.2 way or 3 way buffers dụng cụ đánh bóng 2-3 chiều
 - 4.1,2,3



Q.5

- Lamps attached to a manicure table should have a bulb of
 - Đèn gắn vào bàn làm móng có bóng đèn
- 1.25-30 watts
 - 2.30-35 watts
 - 3.40-60 watts
 - 4.60-75 watts



Q6

- Disposable implements include
- Dụng cụ dùng xong rồi vất bỏ gồm có
 1. **nail clippers** kèm cắt móng
 2. **metal pushers** cây đẩy da bằng kim loại
 3. **tweezers** nhíp
 4. **wooden pushers** cây đẩy bằng gỗ



Q.7

- After you use metal implements and before you place them in disinfectant, they must be
- Sau khi dùng và trước khi ngâm vào chất khử trùng các dụng cụ bằng kim loại phải được
 1. **cleaned with towel** lau sạch với khăn
 2. **cleaned in autoclave** làm sạch trong nồi hấp hơi
 3. **rinsed in alcohol** xả sạch trong rượu cồn
 4. **washed with soap and water** rửa với xà phòng và nước



Q.8

- To shape the free edge you use a(n):
- Để tạo hình dáng đầu móng bạn dùng
 1. **wooden pusher** cây đẩy da bằng gỗ
 2. **metal pusher** cây đẩy da bằng kim loại
 3. **abrasive file** giũa
 4. **tweezers** nhíp



Q.9

- If you draw blood, the implement should be
- Nếu bạn làm chảy máu, dụng cụ sẽ
 - 1.cleaned and disinfected được rửa sạch và khử trùng
 - 2.rinsed with water xả với nước
 - 3.bagged and discarded bỏ vào bao và vứt đi
 - 4.wiped off with cotton lau với gòn



Q.10

- The implement used to clean fingernails and remove debris is called a
- Dụng cụ dùng để làm sạch các ngón tay và lấy các chất dơ
 - 1.nail file giũa
 - 2.nail brush bàn chải
 - 3.wooden pusher cây đẩy da
 - 4.chamois buffer dụng cụ đánh bóng



Q.11

- The benefit of using nail clippers to shorten nail length is to
- Lợi ích khi dùng kềm cắt ngắn móng
 - 1.create high shine tạo độ bóng cao độ
 - 2.strengthen weak nails làm mạnh móng yếu
 - 3.reduce filing time giảm thời gian giũa
 - 4.reduce splitting giảm chẻ móng



Q.12

- All non-disposable implements must be _____ in a disinfectant solution
- Dụng cụ không vất đi phải được _____ trong dung dịch khử trùng
 1. **quickly rinsed** xả sạch nhanh
 2. **dipped slightly** nhúng nhẹ vào
 3. **wiped thoroughly** lau sạch hoàn toàn
 4. **fully immersed** hoàn toàn nhúng chìm



Q.13

- To create a high shine, use a(n)
- Để tạo độ bóng dùng
 - 1.2- or 3-way buffer dụng cụ đánh bóng 2 hay 3 mặt
 - 2.ridge filler chất bồi các móng có rãnh
 - 3.abrasive file giũa
 - 4.nail clipper kèm cắt móng



Q.14

- Fingerbowls are made of
- Tô ngâm tay làm bằng chất liệu
 - 1.glass thủy tinh
 - 2.plastic nhựa
 - 3.metal kim loại
 - 4.1,2,3



Q.15

- A disinfectant container must be kept closed with a
- Lọ đựng dung dịch khử trùng được đậy với
 1. **round handle** tay cầm tròn
 2. **a lid** nắp đậy
 3. **plastic label** nhãn hiệu bằng nhựa
 4. **metal label** nhãn hiệu bằng kim loại



Q.16

- Lids are required on disinfectant container to prevent
- Lọ thuốc khử trùng cần có nắp đậy để ngăn ngừa
 - 1.spilling đánh đổ
 - 2.immersion ngâm
 - 3.contamination nhiễm bẩn
 - 4.sharing dùng chung



Q.17

- Client's arm cushion must be covered with a
- Nên dùng gì để phủ đệm lót tay khách
 - 1.used towel khăn đã dùng
 - 2.clean towel khăn sạch
 - 3.paper towel khăn giấy
 - 4.plastic cover miếng phủ bằng nhựa



Q.18

- Multi use implements must be
- Dụng cụ tái sử dụng phải được
 1. **cleaned and disinfected with a disinfectant solution** rửa sạch và khử trùng với chất khử trùng
 2. **rinsed with water** xả sạch với nước
 3. **brushed with soap** chải với xà phòng
 4. **sterilized in an autoclave** vô trùng trong nồi hấp hơi



Q.19

- After being used single use implements must be
- Sau khi dùng dụng cụ đơn dụng phải được
 - 1.made of stainless steel làm bằng thép
 - 2.made of metal làm bằng kim loại
 - 3.thrown away phải bỏ đi
 - 4.reused dùng lại



Q.20

- Tweezers are multi task implements for
- Nhíp là dụng cụ đa dụng dùng để
 1. **lifting small debris form the nail plate** lấy các mảnh da bong ra khỏi đĩa móng
 2. **removing implements from disinfectant solutions** gắp các dụng cụ trong dung dịch khử trùng
 3. **retrieving and placing nail art** gắp và đặt các đồ trang trí lên móng
 4. **1,2,3**



Q.21

- How many set of disinfected tools should a nail technician have
- Kỹ thuật viên cắt tỉa móng nên có bao nhiêu bộ dụng cụ

1.1 set

2.2 sets

3.3 sets

4.5 sets

•



Q.22

- Abrasive board with 180 grit is considered
- Giũa có độ nhám 180 được xem là
 1. **medium grit** độ nhám trung bình
 2. **fine grit** độ nhám mịn
 3. **sand paper** giấy ráp
 4. **grit** hạt mài



Q.23

- A fine grit abrasive is used for
 - Giũa có độ nhám mịn dùng để
 1. **buffing** đánh bóng
 2. **polishing** làm bóng
 3. **removing very fine scratches** loại bỏ các vết trầy xước nhỏ
4. 1,2,3



Q.24

- To bevel a nail, use gentle pressure and angle the file with a
- Giữa nghiêng móng dùng lực ấn nhẹ và tạo góc độ
 1. 60° angle
 2. 45° angle
 3. 90° angle
 4. straight angle



Q.25

- Which type of gloves are considered the best choice for nail service?
 - Loại bao tay được xem là tốt nhất cho dịch vụ làm móng?
1. latex nhựa
 2. vinyl da giả
 3. rubber cao su
 4. nitrile



Q.26

- Reusable implements are made of:
- Dụng cụ tái xử dụng được làm bằng:
 - 1.wood gỗ
 - 2.steel thép
 - 3.paper or cotton giấy hay bông gòn
 - 4.brass đồng



Q.27

- Which of the following is considered a self disinfecting type of brush?
- Điều nào sau đây xem là loại cọ tự khử trùng?
 1. Brush used for applying nail polish cọ dùng để quét nước sơn
 2. Brush used for applying dehydrator cọ dùng để quét chất làm khô móng
 3. 1 and 2 are correct 1 và 2 đúng
 4. 1 and 2 are incorrect 1 và 2 không đúng



Q.28

- Which of the following is recommended for removing products from their containers?
- Món gì được đề nghị dùng để lấy sản phẩm từ lọ chứa?
 1. **metal spatulas** que trộn bằng kim khí
 2. **cotton swab** que gòn
 3. **wooden pusher** que đẩy da bằng gỗ
 4. 1, 2, 3



Q.29

- 2 types of polish removers
 - 2 loại chất tẩy nước sơn
1. alcohol and hydrogen peroxide cồn và oxy già
 2. acetone and non acetone acetone và chất không acetone
 3. water and heat nước và nhiệt
 4. soap and acetone xà phòng và acetone



Q.30

- **Nail cream helps** Kem dưỡng móng giúp
 - 1.**hold in the subdermal moisture in the skin** giữ độ ẩm trong da
 - 2.**absorb into the nail plate** hấp thụ vào trong đĩa móng
 - 3.**soften dry skin around the nail plate** làm mềm da khô xung quanh đĩa móng
 - 4.**soften the nail plate** làm đĩa móng mềm



Q.31

- A nail product designed to loosen and dissolve dead tissue on the nail plate
- Chất tẩy mô chết trên đĩa móng
 1. **nail oil** dầu móng
 2. **nail remover** chất tẩy móng
 3. **nail dryer** chất làm khô móng
 4. **cuticle remover** dung dịch tẩy biểu bì



Q.32

- Products used to soften dry skin around the nail plate and to increase the flexibility of natural nails are
- Sản phẩm làm mềm da khô quanh đĩa móng và tăng độ mềm dẻo cho móng tự nhiên
 1. **cuticle removers** chất tẩy da quanh móng
 2. **penetrating oils** dầu thẩm thấu
 3. **polish removers** chất tẩy nước sơn
 4. **nail bleaches** chất tẩy trắng móng



Q.33

- Product contains 2%-5% sodium or potassium hydroxide plus glycerin and moisturizing ingredients
 - Sản phẩm chứa 2%-5% sodium hay potassium hydroxide, glycerin và chất giữ ẩm
1. **nail oil** dầu móng
 2. **nail bleach** chất tẩy móng
 3. **nail dehydrator** chất làm khô móng
 4. **cuticle remover** chất tẩy biểu bì quanh móng



Q.34

- Yellow surface discoloration or stains on fingernails can be removed with:
- Bề mặt móng bị vàng hay vết biến màu sẽ được tẩy với
 1. **cuticle removers** chất tẩy biểu bì
 2. **penetrating oils** dầu thẩm thấu
 3. **polish removers** chất tẩy nước sơn
 4. **nail bleaches** chất tẩy móng vàng



Q.35

- Alcohol, nail polish, nail monomers, and nail primers are considered to be
- Cồn, màu sơn, chất monome và polime
 - 1.harmful có hại
 - 2.sanitizers chất làm vệ sinh
 - 3.self-disinfecting tự khử trùng
 - 4.strengtheners chất làm mạnh



Q.36

- Apply nail bleach to the nail plate and under the free edge of natural nail to
- Quét chất tẩy móng lên đĩa móng và dưới đầu móng tự nhiên để
 - 1.remove dead tissue tẩy mô chết
 - 2.adding color thêm màu
 - 3.remove yellow surface discoloration tẩy bề mặt móng bị vàng
 - 4.1,2,3



Q.37

- Protein hardener is combined of
- Chất protein làm cứng móng là tổng hợp của
 1. **clear nail polish and collagen** sơn móng trong suốt và collagen
 2. **colored polish and collagen** sơn móng có màu và collagen
 3. **clear nail polish** sơn móng trong suốt
 4. **colored polish and formaldehyde** sơn móng có màu và formaldehyde



Q.38

- Methylene glycol hardener should be used as a
- Chất làm cứng metylen glycol dùng để
 1. top coat sơn phủ
 2. base coat sơn nền
 3. base coat or top coat sơn nền hoặc sơn phủ
 4. adhesive chất keo kết dính



Q.39

- Protein hardener does not cause adverse skin reaction is
- Chất protein làm cứng không gây phản ứng có hại cho da là
 1. dimethyl urea hardener
 2. base coat hardener sơn nền làm cứng
 3. top coat hardener sơn phủ làm cứng
 4. hydrogen peroxide chất oxy già



Q.40

- Removing nail cosmetics from their containers is accomplished with a
- Lấy sản phẩm làm móng từ lọ đựng với
 1. **wooden pusher** cây đẩy bằng gỗ
 2. **cotton swab** que gòn
 3. **metal pusher** cây đẩy bằng kim loại
 4. **plastic or metal spatula** que trộn bằng nhựa hay bằng kim loại



CHPT 13 Answer Key

- 1.3 2.1 3.2 4.4 5.3
- 6.4 7.4 8.3 9.1 10.2
- 11.3 12.4 13.1 14.4 15.2
- 16.3 17.2 18.1 19.3 20.4
- 21.3 22.1 23.4 24.2 25.4
- 26.2 27.3 28.1 29.2 30.1
- 31.4 32.2 33.4 34.4 35.3
- 36.3 37.1 38.3 39.1 40.4



- TEST CHAPTER 13B
- Questions 41-80



Q.41

- The nail polish application is achieved by using how many coats?
- Sơn móng được thực hiện bao nhiêu lớp

1.1

2.2

3.3

4.4



Q.42

- When removing nail polish from nails with wrap resins, a(n) _____ product is recommended
- Khi tẩy nước sơn ở móng dán sản phẩm đề nghị là
 1. acetone axêton
 2. oil dầu
 3. non-acetone không axêton
 4. potassium pôtát



Q.43

- After an oil manicure, before base coat is applied, you must
- Sau khi làm móng dầu, trước khi sơn nền bạn
 1. **soak fingers in fingerbowl** ngâm tay vào tô
 2. **remove all traces of oil** tẩy chất dầu
 3. **apply cuticle remover** quét chất tẩy biểu bì
 4. **wash hands thoroughly** rửa tay thật sạch



Q.44

- You should wipe away excess polish with a cotton-tipped wooden pusher dipped in
- Bạn sẽ lau sơn dư bằng cây đẩy da bằng gỗ có quấn gòn nhúng với
 - 1.soapy water nước xà phòng
 - 2.antiseptic chất khử trùng
 - 3.polish remover chất tẩy nước sơn
 - 4.hydrogen peroxide chất oxy già



Q.45

- Apply nail polish over the
- Sơn màu lên lớp
 1. top coat sơn phủ
 2. penetrating oil dầu móng
 3. massage lotion chất nước thơm xoa bóp
 4. base coat sơn nền



Q.46

- Another name for nail polish is
 - Tên khác của nước sơn
1. lotion kem giu am
 2. cream kem duong da
 3. lacquer sơn
 4. oil dầu



Q.47

- The base coat creates a colorless layer on the natural nail that improves
- Sơn nền tạo ra lớp không màu trên móng làm tăng
 1. **adhesion of polish** độ bám của nước sơn
 2. **smoothness** độ mượt móng
 3. **discoloration and stains** sự đổi màu ở móng
 4. **strength** sức mạnh



Q.48

- Nail hardeners include those with reinforcing fibers such as nylon, protein, and
- Chất làm cứng móng gồm có những sợi tăng sức mạnh như nilông, đạm và
 - 1.potassium pôtát
 - 2.methylene glycol
 - 3.acetone axêton
 - 4.UV gels



Q.49

- Top coat or sealer is used to make the nail polish
- Sơn phủ dùng để làm cho màu sơn
 - 1.dry more quickly khô nhanh
 - 2.adhere to nail plate bám vào đĩa móng
 - 3.resistant to chipping chống sứt mẻ
 - 4.appear thick and smooth làm dày và mượt



Q.50

- Which products are highly flammable?
- Sản phẩm dễ cháy
 - 1.nail polish màu sơn
 - 2.base coat sơn nền
 - 3.cuticle oil dầu móng
 - 4.1,2



Q.51

- After a polish application the drying time should be about
 - Thời gian chờ cho móng sơn khô
- 1.5 minutes
- 2.10 minutes
- 3.15 minutes
- 4.20 minutes



Q.52

- What determines the drying time of polish?

- Điều gì quyết định thời gian sơn khô?

1.amount and type of solvent số lượng và loại nước sơn

2.temperature of the client's hands nhiệt độ tay khách

3.temperature of the salon nhiệt độ tiệm

4.1,2,3

- d. abc



Q.53

- The nail polish with a lighter shade is used for
- Gam màu nhạt hơn dùng vào mùa
 - 1.spring and summer xuân hè
 - 2.summer and fall hè thu
 - 3.fall and winter thu đông
 - 4.winter and spring đông xuân



Q.54

- The polish bottle should be ___ to mix thoroughly
- Để trộn sơn lọ sơn móng tay được
 1. stirred by a brush khuấy lọ bằng cọ sơn
 2. rolled between the palms lăn lọ sơn giữa 2 lòng bàn tay
 3. shaken horizontally lắc lọ theo hướng nằm ngang
 4. rotated up and down lăn lọ sơn lên xuống



Q.55

- Apply thin even coats of nail polish to create a maximum smoothness and minimum
- Quét lớp sơn đều để tạo độ mượt tối đa và tối thiểu

1.adhesion sự kết dính

2.durabilitly độ bền bỉ

3.drying time thời gian khô

4.1,2,3



Q.56

- Products designed to hasten the drying of nail polishes may be sprayed on or applied with
- Sản phẩm làm khô màu sơn nhanh có thể xịt lên hay áp dụng với
 1. **wooden pusher** cây đẩy gỗ
 2. **metal pusher** cây đẩy kim loại
 3. **cotton swab** cây quấn gòn
 4. **dropper** ống nhỏ giọt



Q.57

- The basic manicure consists of three parts as follows
- Quy trình chăm sóc móng căn bản gồm 3 phần
 1. **pre-service, service, post-service** tiền dịch vụ, dịch vụ, hậu dịch vụ
 2. **pre-service, post-service, follow-up** tiền dịch vụ, hậu dịch vụ, theo đuổi
 3. **actual service, post-service, follow-up** dịch vụ, hậu dịch vụ, theo đuổi
 4. **pre-service, post-service, product recommendation** tiền dịch vụ, hậu dịch vụ, đề nghị sản phẩm



Q.58

- Which of the following is not a component of the pre-service procedure?
- Điều không là một phần của tiến trình tiền dịch vụ?
 1. **cleaning and disinfecting your tools** rửa và khử trùng dụng cụ
 2. **helping your client through the scheduling process** giúp khách lấy hẹn
 3. **setting up the basic manicuring table** xếp đặt bàn làm móng
 4. **greeting your client** chào đón khách



Q.59

- Which of these steps are parts of the client consultation
- Những bước khi tham khảo
 1. check the nails and skin to make sure that they are healthy xem móng và da khỏe mạnh
 2. check that the service you are providing is appropriate xem dịch vụ bạn cung cấp thích nghi hay không
 3. discuss what the client's expectations thảo luận những gì khách mong muốn
 4. 1,2,3



Q.60

- How long should the brush cleansing of the nails last during a hand washing procedure?
- Quy trình dùng bàn chải để rửa móng trong bao lâu?

1.30 seconds 30 giây

2.until they look clean khi thấy móng sạch

3.60 seconds 60 giây

4.3 minutes 3 phút



Q.61

- How long should the nail technician rub his/her hands together until a lather forms?
- Người thợ chà xát hai bàn tay để xà phòng nổi bọt trong bao lâu
 - 1.20 seconds 20 giây
 - 2.until they look clean khi thấy móng sạch
 - 3.60 seconds 60 giây
 - 4.3 minutes 3 phút



Q.62

- The nail shape that is straight across with no rounding at the edges is known as
- Móng có đường thẳng ở đầu móng và không tròn ở rìa móng

1. **round** tròn

2. **pointed** nhọn

3. **squoval** nửa tròn nửa vuông

4. **square** vuông



Q.63

- The nail shape that is a square free end with corners rounded off
- Móng có đầu móng vuông cạnh rìa tròn
 1. **round** tròn
 2. **pointed** nhọn
 3. **square** vuông
 4. **squoval** nửa tròn nửa vuông



Q.64

- The ___ nail is similar to a squoval nail with even more rounded corners
- Móng ___ tương tự như móng nửa tròn nửa vuông với các cạnh tròn hơn là
 1. round tròn
 2. oval ovan
 3. square vuông
 4. pointed nhọn



Q.65

- The pointed nail is recommended for clients with
- Móng nhọn được đề nghị cho khách với
 - 1.thin hands bàn tay mỏng
 - 2.long fingers ngón tay dài
 - 3.narrow nail beds giường móng hẹp
 - 4.1,2,3



Q.66

- Manicure procedure could be performed in
- Quy trình chăm sóc móng được thực hiện trong

1.25 minutes

2.45 minutes

3.60 minutes

4.90 minutes



Q.67

- The French manicure has a _____ on the free edge
- Làm móng kiểu Pháp có _____ trên đầu móng
 1. **pink color** màu hồng
 2. **peach color** màu hồng đào
 3. **neutral color** màu trung hòa
 4. **white color** màu trắng



Q.68

- The difference between a regular basic manicure for a woman and a man's manicure
- Sự khác biệt giữa dịch vụ làm móng cho khách nữ và nam
 1. **angle of filing** góc độ giũa
 2. **colored polish** màu sơn
 3. **use of oil** dùng dầu
 4. **hand massage** xoa bóp tay



Q.69

- What is the most popular nail shape for men?
 - Hình dạng móng thông dụng cho khách nam
1. **round** tròn
 2. **square** vuông
 3. **pointed** nhọn
 4. **oval** bầu dục



Q.70

- What might you change for a men's manicure compared to a women's?
- Bạn có thể thay đổi khi săn sóc móng cho khách nam khi so sánh với làm móng cho nữ
 1. **longer, more firm massage** mát xa lâu hơn và chắc tay hơn
 2. **buffed nails** đánh bóng móng
 3. **aromatherapy** dùng mùi thơm
 4. 1 & 3



Q.71

- How many coats for a man polish application
- Phủ bao nhiêu lớp sơn khi sơn móng tay cho khách nam

1.1

2.2

3.3

4.4



Q.72

- The manipulation of the soft tissues of the body is called
- Thao tác bằng tay trên các mô mềm của cơ thể gọi là
 - 1.reflexology trị liệu tay chân
 - 2.aromatherapy sử dụng dầu thơm
 - 3.manicure săn sóc móng tay
 - 4.massage mátxa



Q.73

- Which massage movement is called petrissage
- Loại hình mát xa nào gọi là tẩm quất
 1. tapotement vỗ
 2. friction chà xát
 3. kneading nắn bóp
 4. stroking xoa



Q.74

- Which type of massage involves lifting, squeezing, and pressing the tissue?
- Kiểu mat xa bao gồm nâng lên, ép và nhấn vào mô
 1. **friction** chà xát
 2. **vibration** rung, lắc
 3. **petrissage** tằm quất
 4. **effleurage** vuốt



Q.75

- The massage cream completely removed from the nails after completing
- Kem mát xa được lau sạch trên móng sau khi hoàn tất

1. massage movements động tác mát xa

2. polish application quét sơn

3. callus removal tẩy da chai

4.1,2



Q.76

- The use of an alpha hydroxy acid based product for exfoliation
- Dùng sản phẩm có alpha hydroxy axit để lột da
 1. antibacterial manicure chống vi trùng
 2. anti-aging manicure săn sóc móng chống lão hóa
 3. plain manicure săn sóc móng đơn giản
 4. 1,2,3



Q.77

- A scrub manicure is used to
- Sản sóc móng bằng cách chà xát để
 - 1.exfoliate callused skin lột nhẹ da chai
 - 2.revitalize callused skin làm trẻ da chai
 - 3.energize skin làm tăng năng lực cho da
- 4.1,2



Q.78

- The use of highly concentrated, non oily and volatile essential oils is called
- Dùng tinh dầu cô đặc không nhờn và dễ bay hơi là phương pháp
 1. **aromatherapy** hương trị liệu, liệu pháp dùng hương thơm
 2. **massage** matxa
 3. **reflexology** chăm sóc và làm móng chân
 4. **anti aging manicure** săn sóc móng chống lão hóa



Q.79

- An oil manicure is a recommended treatment for
- Dịch vụ làm móng dùng dầu để điều trị
 1. **flexible cuticles** da quanh móng mềm mại
 2. **brittle nails** móng giòn dễ gãy
 3. **short nails** móng ngắn
 4. **nail fungus** nấm móng



Q.80

- If your client feels heat or a sharp burning sensation as you buff her nails, you should
- Nếu khách có cảm giác nóng phỏng khi bạn đánh bóng móng, bạn sẽ
 - 1.increase the amount of pressure tăng áp lực
 - 2.buff fewer times and raise the buffer from the surface đánh bóng ít hơn và nâng dụng cụ đánh bóng khỏi mặt móng
 - 3.buff faster đánh bóng nhanh hơn
 - 4.1, 2, 3



CHPT 13 Answer Key

- 41.4 42.3 43.2 44.3 45.4
- 46.3 47.1 48.2 49.3 50.4
- 51.2 52.4 53.1 54.2 55.3
- 56.4 57.1 58.2 59.4 60.3
- 61.1 62.4 63.4 64.2 65.4
- 66.2 67.4 68.2 69.1 70.4
- 71.3 72.4 73.3 74.3 75.1
- 76.2 77.4 78.1 79.2 80.2